TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Truyền
2. Ông Vi Quốc Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 326/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18A/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp Ph, xã Ph1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lương Hoài D (Đ), sinh năm 1962 và bà Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1966, cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Ông M: có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 16/7/2020; Ông D: có mặt; Bà D1: vắng mặt không lý do lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 và đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/6/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày:

Ngày 17/3/2016, ông có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi heo cho ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1, hình thức hợp đồng bằng miệng. Hai bên thỏa thuận cách thức thanh toán tiền tương ứng với số lượng heo từng lần bán ra, thời gian bán heo từ 03 – 04 tháng đối với mỗi đàn heo. Tuy nhiên, ông D và bà D1 xuất chuồng heo nhưng không thanh toán tiền cho ông. Do ông D và bà D1 vi phạm thỏa thuận nên từ ngày 30/12/2017 ông đã ngừng cung cấp thức ăn cho ông D và bà D1. Khi kết thúc mua bán hai bên có tiến hành tổng kết số nợ phía ông D và bà D1 còn nợ ông số tiền là 57.580.000 đồng. Sau đó, ông D và bà D1 có trả cho ông được 28.000.000 đồng, trả làm nhiều lần nên hiện ông D và bà D1 còn nợ lại ông 29.580.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, ông khởi kiện yêu cầu ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền nợ gốc là 57.580.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 18/11/2019 đến ngày Tòa xét xử, lãi suất 0,83%/tháng. Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/6/2020, ông yêu cầu ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền nợ gốc là 29.580.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông M không đồng ý để ông D và bà D1 trả dần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn ông Lương Hoài D trình bày:

Ông có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông Trương Văn M, hợp đồng bằng lời nói, hai bên đều giữ sổ để ghi nhận mỗi lần giao thức ăn, thời hạn thanh toán là khi heo xuất chuồng (04 tháng) nuôi heo thịt. Trong suốt thời gian mua bán thì ông vẫn thực hiện tốt đến khoảng năm 2018, 2019 thì hai bên ngưng giao dịch. Đến tháng 8/2019, hai bên kết sổ thì vợ chồng ông còn nợ số tiền 59.080.000 đồng nhưng ông trả dần số nợ này gồm 05 lần như sau:

Lần 1 (Ngày 17/10/2019): Trả 1.500.000 đồng.

Lần 2 (Ngày 17/11/2019): Trả 2.000.000 đồng.

Lần 3 (Ngày 15/01/2020): Trả 10.000.000 đồng.

Lần 4 (Ngày 16/02/2020): Trả 10.000.000 đồng.

Lần 5 (Ngày 30/02/2020): Trả 6.000.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng ông đã trả cho ông M là 29.500.000 đồng nên vợ chồng ông chỉ còn nợ ông M số tiền thức ăn là 29.580.000 đồng. Nay vợ chồng ông đồng ý hoàn trả cho ông M số tiền 29.580.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông và bà Nguyễn Ngọc D1 là vợ chồng hơn 30 năm nay và hiện vẫn là vợ chồng. Vợ chồng ông chăn nuôi heo chăn nuôi heo nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc D1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà D1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật cụ thể vắng mặt trong các lần mời của Tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền mua bán thức ăn là 29.580.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 16/12/2019, ông Trương Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông M số tiền nợ thức ăn chăn nuôi là 57.580.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 18/11/2019 đến ngày Tòa xét xử, lãi suất 0,83%/tháng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 18/11/2019 của Công an xã Th xác định bị đơn ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện M nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện M.

[2] Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019. Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/6/2020, ông Trương Văn M yêu cầu ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền nợ gốc là 29.580.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Đối với nguyên đơn ông Trương Văn M có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 16/7/2020 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp. Đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D1 là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất giữa ông Trương Văn M và ông Lương Hoài D có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi và việc xác lập hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên hợp đồng mua

bán giữa các bên là hợp pháp. Ông D thừa nhận ông còn nợ ông Trương Văn M số tiền thức ăn là 29.580.000 đồng và ông đồng ý hoàn trả số tiền này cho ông M. Tuy nhiên, ông xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng ông M không đồng ý theo yêu cầu của ông D nên buộc ông D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông M số tiền 29.580.000 đồng. Đối với vợ của ông D là bà Nguyễn Ngọc D1 mặc dù không trực tiếp mua thức ăn của ông M nhưng việc ông D mua thức ăn của ông M là để chăn nuôi heo nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình và hiện vợ chồng ông D, bà D1 vẫn còn tồn tại hôn nhân. Vì vậy, buộc bà D1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông D hoàn trả cho ông M số tiền thức ăn còn nợ là 29.580.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả là: 29.580.000 đồng x 5% = 1.479.000 đồng.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn M.

Buộc ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền mua bán thức ăn còn nợ 29.580.000 đồng.

Ghi nhận ông Trương Văn M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 phải có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Lương Hoài D và bà Nguyễn Ngọc D1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.479.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.451.000 đồng theo biên lai thu tiền số ******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Kim Sang